

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

---

Tháng 3 năm 2022

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG

Số 01, đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Trọng Nghĩa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27/8/2021
Bà Trần Thị Hương Xuân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27/8/2021
Ông Nguyễn Công Luận	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	
Ông Hách Đại Thắng	Thành viên	
Ông Vũ Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm 22/12/2021

##### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Luận	Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hiếu	Phó Giám đốc

##### *Người đại diện pháp luật*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Công Luận - Giám đốc và bà Trần Thị Hương Xuân – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG**

Số 01, đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Công Luận

Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2022

SỐ: 048 /VACO/BCKT.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 010321.008/BCTC.KT6 ngày 01 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Lê Xuân Thắng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2022-156-1

Thay mặt và đại diện cho

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022

**Nguyễn Ngọc Thạch**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>100.747.268.222</b>	<b>96.540.038.232</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>33.868.521.189</b>	<b>10.434.747.435</b>
1. Tiền	111		8.956.521.189	7.434.747.435
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.912.000.000	3.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>43.878.000.000</b>	<b>55.226.761.399</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		43.878.000.000	55.226.761.399
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.900.466.305</b>	<b>9.293.531.068</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.312.132.781	7.191.271.466
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	32.000.000	71.134.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.556.333.524	2.031.125.102
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>13.585.770.770</b>	<b>21.086.714.726</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.585.770.770	21.086.714.726
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>514.509.958</b>	<b>498.283.604</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	488.297.743	498.221.756
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	26.212.215	61.848
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.386.533.585</b>	<b>6.835.147.907</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.789.921.314</b>	<b>6.174.645.386</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.763.337.997	6.119.062.065
- Nguyên giá	222		12.788.893.428	12.629.893.428
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.025.555.431)	(6.510.831.363)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	26.583.317	55.583.321
- Nguyên giá	228		242.663.325	242.663.325
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.080.008)	(187.080.004)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>596.612.271</b>	<b>660.502.521</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	596.612.271	660.502.521
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>106.133.801.807</b>	<b>103.375.186.139</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.495.735.953</b>	<b>4.732.207.070</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.495.735.953</b>	<b>4.732.207.070</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.620.893.875	976.529.446
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	173.756.507	200.000.010
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	623.877.751	1.371.288.193
4. Phải trả người lao động	314		811.105.836	978.412.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.210.467.258	1.106.420.759
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.884.726	16.936.026
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		38.750.000	82.619.731
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>100.638.065.854</b>	<b>98.642.979.069</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>100.638.065.854</b>	<b>98.642.979.069</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		604.929.853	604.929.853
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.033.136.001	8.038.049.216
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.033.136.001	8.038.049.216
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>106.133.801.807</b>	<b>103.375.186.139</b>



Nguyễn Công Luận  
Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Tuấn Hùng  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	84.624.989.750	83.168.337.344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	1.554.469.010	876.408.610
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	83.070.520.740	82.291.928.734
4. Giá vốn hàng bán	11	22	62.160.837.138	63.343.765.171
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.909.683.602	18.948.163.563
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.300.484.210	3.913.421.020
7. Chi phí bán hàng	25	25	4.160.294.484	3.304.173.070
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	8.385.304.140	10.094.496.696
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		11.664.569.188	9.462.914.817
10. Thu nhập khác	31		190.081.399	44.868.870
11. Chi phí khác	32		27.716.068	1.087.138
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		162.365.331	43.781.732
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		11.826.934.519	9.506.696.549
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.647.261.928	1.330.937.517
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		10.179.672.591	8.175.759.032
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	951	728



Nguyễn Công Luận  
Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Tuấn Hùng  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.826.934.519	9.506.696.549
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.543.724.072	1.648.429.230
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.300.484.210)	(3.913.421.020)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.070.174.381	7.241.704.759
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	366.914.396	5.040.383.838
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	7.500.943.956	(104.391.558)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.365.641.678	(7.139.442.547)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	73.814.263	209.714.375
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.205.504.992)	(1.532.451.694)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.919.455.537)	(1.744.417.668)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>15.252.528.145</b>	<b>1.971.099.505</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(159.000.000)	(324.080.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(86.887.800.000)	(86.727.898.180)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	98.236.561.399	83.852.377.837
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.300.484.210	3.819.409.328
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>14.490.245.609</b>	<b>619.808.985</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.309.000.000)	(5.400.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(6.309.000.000)</b>	<b>(5.400.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	<b>23.433.773.754</b>	<b>(2.809.091.510)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>10.434.747.435</b>	<b>13.243.838.945</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	70	<b>33.868.521.189</b>	<b>10.434.747.435</b>



Nguyễn Công Luận  
Giám đốc  
Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Tuấn Hùng  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In Tổng Hợp Bình Dương là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Bình Dương theo Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hiện đang hoạt động Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3702606911 ngày 02 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, và giấy phép điều chỉnh lần thứ 04 ngày 28 tháng 10 năm 2021.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 148 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 144 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là In ấn và dịch vụ liên quan in ấn

Hoạt động chính của Công ty là In ấn.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Thiết bị văn phòng	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 30
Các tài sản khác	10

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

##### Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

##### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa thay thế và các chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

#### Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

**Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bình Dương  
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Thành viên chủ chốt

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	108.966.412	390.995.003
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.847.554.777	7.043.752.432
Tương đương tiền	24.912.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>33.868.521.189</u></b>	<b><u>10.434.747.435</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm tại các Ngân hàng.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>859.650.000</b>
Công ty TNHH MTV Xô Số Kiến thiết Bình Dương	-	859.650.000
<b>b) Phải thu của khách hàng khác</b>	<b>7.312.132.781</b>	<b>6.331.621.466</b>
Công ty TNHH Republic Biscuit Corporation Việt Nam	997.822.100	-
Công ty TNHH BJC Cellox Việt Nam	-	834.108.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Pan	2.030.518.050	985.558.200
Công ty Cổ phần Bibica - Nhà máy Biên Hòa	-	1.725.022.970
Công ty TNHH MTV Bibica miền Tây	866.643.800	-
Công ty TNHH MTV Bibica miền Đông	1.953.077.500	944.939.600
Các đối tượng khác	1.464.071.331	1.841.992.696
<b>Cộng</b>	<b>7.312.132.781</b>	<b>7.191.271.466</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH May Sư Tử Vàng	-	34.408.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt	10.000.000	10.000.000
Trả trước cho người bán khác	22.000.000	26.726.500
<b>Cộng</b>	<b>32.000.000</b>	<b>71.134.500</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tạm ứng	146.484.164	62.421.900
Dự thu lãi tiền gửi	605.999.661	1.243.101.692
Bảo hiểm thất nghiệp	5.430.255	4.764.715
Bảo hiểm xã hội	20.991.948	15.325.035
Bảo hiểm y tế	58.072.952	56.202.492
Các khoản phải thu khác	719.354.544	649.309.268
<b>Cộng</b>	<b>1.556.333.524</b>	<b>2.031.125.102</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.426.136.156	-	18.435.447.450	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.346.149.274	-	1.709.982.707	-
Thành phẩm	1.813.485.340	-	941.284.569	-
<b>Cộng</b>	<b>13.585.770.770</b>	<b>-</b>	<b>21.086.714.726</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>488.297.743</b>	<b>498.221.756</b>
Công cụ, dụng cụ	488.297.743	425.100.879
Chi phí khác	-	73.120.877
<b>b) Dài hạn</b>	<b>596.612.271</b>	<b>660.502.521</b>
Công cụ, dụng cụ	166.117.920	406.023.439
Chi phí sửa chữa thay thế	430.494.351	217.992.557
Chi phí khác	-	36.486.525
<b>Cộng</b>	<b>1.084.910.014</b>	<b>1.158.724.277</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.212.215	-	(26.212.215)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	61.848	-	61.848
<b>Cộng</b>	<b>26.212.215</b>	<b>61.848</b>	<b>(26.212.215)</b>	<b>61.848</b>
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	513.974.964	8.391.938.784	(8.691.008.949)	813.045.129
Thuế thu nhập cá nhân	109.902.787	673.448.392	(563.545.605)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.647.261.928	(2.205.504.992)	558.243.064
Các loại thuế khác	-	20.866.944	(20.866.944)	-
<b>Cộng</b>	<b>623.877.751</b>	<b>10.733.516.048</b>	<b>(11.480.926.490)</b>	<b>1.371.288.193</b>

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	2.965.843.316	7.208.661.545	950.607.059	444.465.854	1.060.315.654	12.629.893.428
- Mua trong năm	-	40.000.000	-	119.000.000	-	159.000.000
Số cuối năm	<b>2.965.843.316</b>	<b>7.248.661.545</b>	<b>950.607.059</b>	<b>563.465.854</b>	<b>1.060.315.654</b>	<b>12.788.893.428</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số đầu năm	1.184.020.221	4.146.211.294	468.779.766	75.402.774	636.417.308	6.510.831.363
- Khấu hao trong năm	332.819.122	749.947.287	144.239.928	75.768.547	211.949.184	1.514.724.068
Số cuối năm	<b>1.516.839.343</b>	<b>4.896.158.581</b>	<b>613.019.694</b>	<b>151.171.321</b>	<b>848.366.492</b>	<b>8.025.555.431</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	1.781.823.095	3.062.450.251	481.827.293	369.063.080	423.898.346	6.119.062.065
Tại ngày cuối năm	<b>1.449.003.973</b>	<b>2.352.502.964</b>	<b>337.587.365</b>	<b>412.294.533</b>	<b>211.949.162</b>	<b>4.763.337.997</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 2.435.206.751 VND (tại ngày 31/12/2020 là 1.506.541.178 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phân mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>		
Số đầu năm	242.663.325	242.663.325
Số cuối năm	242.663.325	242.663.325
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	187.080.004	187.080.004
- Khấu hao trong năm	29.000.004	29.000.004
Số cuối năm	216.080.008	216.080.008
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	55.583.321	55.583.321
Tại ngày cuối năm	26.583.317	26.583.317

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Dịch vụ Viễn Thái	-	-	106.663.700	106.663.700
Công ty TNHH Vật liệu Bao bì Hòa Trung	344.653.210	344.653.210	212.675.870	212.675.870
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Giấy Mê Kong	361.174.415	361.174.415	-	-
Công ty Cổ phần Giấy CP	542.978.600	542.978.600	-	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát	536.052.417	536.052.417	-	-
Các đối tượng khác	836.035.233	836.035.233	657.189.876	657.189.876
<b>Cộng</b>	<b>2.620.893.875</b>	<b>2.620.893.875</b>	<b>976.529.446</b>	<b>976.529.446</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Giấy Nhật Hoàng	173.756.507	200.000.010
<b>Cộng</b>	<b>173.756.507</b>	<b>200.000.010</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí hoa hồng	1.210.467.258	1.106.420.759
<b>Cộng</b>	<b>1.210.467.258</b>	<b>1.106.420.759</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải trả khác ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	16.884.726	16.936.026
<b>Cộng</b>	<b><u>16.884.726</u></b>	<b><u>16.936.026</u></b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư</u>	<u>Quỹ đầu tư phát</u>	<u>Lợi nhuận</u>	<u>Tổng cộng</u>
	của chủ sở hữu	triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	-	7.694.257.436	97.694.257.436
Lợi nhuận trong năm	-	-	8.175.759.032	8.175.759.032
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	-	-	(118.037.399)	(118.037.399)
Trích lập quỹ trong năm	-	604.929.853	(2.313.929.853)	(1.709.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b><u>90.000.000.000</u></b>	<b><u>604.929.853</u></b>	<b><u>8.038.049.216</u></b>	<b><u>98.642.979.069</u></b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.179.672.591	10.179.672.591
Chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	-	-	(210.682.000)	(210.682.000)
Trích lập quỹ trong năm (i)	-	-	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
Chia cổ tức trong năm (i)	-	-	(6.309.000.000)	(6.309.000.000)
Giảm khác	-	-	(44.903.806)	(44.903.806)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>90.000.000.000</u></b>	<b><u>604.929.853</u></b>	<b><u>10.033.136.001</u></b>	<b><u>100.638.065.854</u></b>

- (i) Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, chi thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông.

**Cổ phiếu**

<b>Cổ phiếu</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết Vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bình Dương	26.100.000.000	29,00%	26.100.000.000	29,00%
Bà Nguyễn Trần Xuân Lan	9.000.000.000	10,00%	9.000.000.000	10,00%
Ông Hách Thanh Toàn	17.807.100.000	19,79%	17.807.100.000	19,79%
Bà Nguyễn Thị Như Hoa	13.790.590.000	15,32%	13.790.590.000	15,32%
Cổ đông khác	23.302.310.000	25,89%	23.302.310.000	25,89%
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG**

**Tài sản thuê ngoài**

Công ty đang thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 5615/HĐTĐ-STNMT ngày 18/11/2019 tại thửa đất số 312, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, diện tích thuê 15.032 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến 30/6/2069. Tiền thuê đất trả hàng năm.

**20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động in ấn và dịch vụ liên quan in ấn chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là in ấn trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**21. DOANH THU BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ in ấn	84.137.192.482	82.854.181.889
Doanh thu khác	487.797.268	314.155.455
Trong đó: Doanh thu đối với bên liên quan như sau	35.682.386.660	33.660.717.000
Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến thiết Bình Dương	35.682.386.660	33.660.717.000
<b>Cộng</b>	<b>84.624.989.750</b>	<b>83.168.337.344</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	1.554.469.010	876.408.610
<b>Cộng</b>	<b>1.554.469.010</b>	<b>876.408.610</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>83.070.520.740</b>	<b>82.291.928.734</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ in ấn	61.673.039.870	63.029.609.716
Giá vốn khác	487.797.268	314.155.455
<b>Cộng</b>	<b>62.160.837.138</b>	<b>63.343.765.171</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.385.610.476	39.205.292.199
Chi phí nhân công	19.293.422.297	20.075.002.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.543.724.072	1.648.429.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.993.133.675	7.691.279.360
Chi phí khác bằng tiền	2.998.912.580	5.991.573.638
<b>Cộng</b>	<b>76.214.803.100</b>	<b>74.611.576.815</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.300.484.210	3.913.421.020
<b>Cộng</b>	<b>3.300.484.210</b>	<b>3.913.421.020</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	535.464.488	310.418.425
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	21.161.626	33.896.892
Chi phí hoa hồng	2.651.483.245	1.925.112.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	756.694.616	770.796.346
Chi phí khác	195.490.509	263.948.920
<b>Cộng</b>	<b>4.160.294.484</b>	<b>3.304.173.070</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	3.032.149.970	3.746.821.609
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	434.272.568	509.631.299
Chi phí khấu hao TSCĐ	651.273.085	652.544.772
Thuế, phí và lệ phí	25.404.672	41.761.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.382.340.506	1.382.986.785
Chi phí khác	2.859.863.339	3.760.751.071
<b>Cộng</b>	<b>8.385.304.140</b>	<b>10.094.496.696</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	11.826.934.519	9.506.696.549
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	(60.777.889)	-
Trừ: Các khoản không chịu thuế	(60.777.889)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.766.156.630</b>	<b>9.506.696.549</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>2.353.231.326</b>	<b>1.901.339.310</b>
Thuế TNDN được giảm (i)	(705.969.398)	(570.401.793)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.647.261.928</b>	<b>1.330.937.517</b>

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

- (i) Theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ, Công ty xác định được giảm 30% tổng số thuế TNDN phải nộp của năm tài chính 2021, do xác định doanh thu năm tài chính này của Công ty là dưới 200 tỷ VND, và giảm so với doanh thu năm tài chính 2019, đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 92/2021/NĐ-CP nêu trên.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.179.672.591	8.175.759.032
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>8.559.672.591</b>	<b>6.555.759.032</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>951</b>	<b>728</b>

Giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay là số tạm ước tính. Quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 sẽ do Đại hội đồng cổ đông trong năm 2022 của Công ty quyết định chính thức.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(33.868.521.189)	(10.434.747.435)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	100.638.065.854	98.642.979.069
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.868.521.189	10.434.747.435
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.721.982.141	9.159.974.668
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	43.878.000.000	55.226.761.399
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.468.503.330</b>	<b>74.821.483.502</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.637.778.601	993.465.472
Chi phí phải trả	1.210.467.258	1.106.420.759
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.848.245.859</b>	<b>2.099.886.231</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.868.521.189	33.868.521.189
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.721.982.141	8.721.982.141
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	43.878.000.000	43.878.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>86.468.503.330</b>	<b>86.468.503.330</b>
<b>Số cuối năm</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.637.778.601	2.637.778.601
Chi phí phải trả	1.210.467.258	1.210.467.258
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.848.245.859</b>	<b>3.848.245.859</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>82.620.257.471</b>	<b>82.620.257.471</b>
<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.434.747.435	10.434.747.435
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.159.974.668	9.159.974.668
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	55.226.761.399	55.226.761.399
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.821.483.502</b>	<b>74.821.483.502</b>
<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	993.465.472	993.465.472
Chi phí phải trả	1.106.420.759	1.106.420.759
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.099.886.231</b>	<b>2.099.886.231</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>72.721.597.271</b>	<b>72.721.597.271</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 5, 17, và 20, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập Giám đốc	297.362.888	182.652.892
Thu nhập của HĐQT và thành viên Ban Giám đốc khác	187.990.000	375.535.537

**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



*Nguyễn Công Luận*  
Nguyễn Công Luận  
Giám đốc

Bình Dương, ngày 24 tháng 3 năm 2022

*Nguyễn Tuấn Hùng*

Nguyễn Tuấn Hùng  
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

